

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1

MÔN: TIẾNG ANH 8 RIGHT ON!



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	2. B	3. B	4. C	5. D
6. D	7. C	8. D	9. B	10. B
11. C	12. C	13. A	14. C	15. C
16. A	17. A	18. lovers	19. attractions	20. lucky
21. T	22. E	23. E	24. T	25. T

26. This toy shop opens at 10 a.m. and closes at 9 p.m. every day.

27. My mum is taking a train to the city centre at the moment.

28. He is going to stay in the city for three days.

29. He broke his leg when he was climbing a mountain yesterday.

30. Did you hear about a hiking accident in Hawaii last night?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Marie dự định ở nhà vào kỳ nghỉ.

Thông tin: I just stay at home and relax.

Tạm dịch: Tôi chỉ ở nhà và thư giãn.

Đáp án A.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Mike là anh họ của Jack.

Thông tin: Well, I'm coming back to my hometown with my cousin, Mike.

Tạm dịch: À, tôi sẽ về quê với anh họ Mike.

Đáp án B.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Jack không đi thăm bạn bè khi về quê.

Thông tin: I often visit my grandparents, do gardening and go to the chocolate festival.

Tạm dịch: Tôi thường đến thăm ông bà, làm vườn và đi dự lễ hội sô-cô-la.

Đáp án B.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Sinh nhật của Marie vào thứ 6 tuần tới.

Thông tin: My birthday is next Friday and I'd like to invite you to my party.

Tạm dịch: Sinh nhật của tôi vào thứ sáu tuần tới và tôi muốn mời bạn đến bữa tiệc.

Đáp án C.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Jack tới bữa tiệc sinh nhật của Marie bằng xe buýt

Thông tin: I will come by bus.

Tạm dịch: Tôi sẽ đến bằng xe buýt.

Đáp án D.

Bài nghe:

Jack: Hi, Marie. Holiday is coming. Are you going anywhere?

Marie: No, Jack. I just stay at home and relax. How about you?

Jack: Well, I'm coming back to my hometown with my cousin, Mike.

Marie: Oh. I remember him, the very tall one, right?

Jack: No, that's my brother, Jim. Mike is pretty short.

Marie: What does he do now?

Jack: He's a last-year university student. He also has a part-time job in a local restaurant.

Marie: That sounds great! What do you usually do when you return to your hometown?

Jack: I often visit my grandparents, do gardening and go to the chocolate festival. It's very exciting!

Marie: I'd love to join it one day. My birthday is next Friday and I'd like to invite you to my party.

Jack: That's great! I will come by bus.

Marie: Thanks. See you then.

Dịch bài nghe:

Jack: Chào Marie. Kỳ nghỉ sắp đến rồi. Bạn có định đi đâu không?

Marie: Không, Jack. Tôi chỉ ở nhà và thư giãn. Còn bạn thì sao?

Jack: À, tôi sẽ về quê với anh họ Mike.

Marie: Ồ. Tôi nhớ anh ấy rồi, người rất cao phải không?

Jack: Không, đó là anh trai tôi, Jim. Mike khá thấp.

Marie: Bây giờ anh ấy làm gì?

Jack: Anh ấy là sinh viên đại học năm cuối. Anh ấy cũng có một công việc bán thời gian tại một nhà hàng địa phương.

Marie: Nghe tuyệt đấy! Bạn thường làm gì khi trở về quê hương?

Jack: Tôi thường đến thăm ông bà, làm vườn và đi dự lễ hội sô-cô-la. Nó rất thú vị!

Marie: Tôi rất muốn tham gia lễ hội vào một ngày nào đó. Sinh nhật của tôi vào thứ sáu tuần tới và tôi muốn mời bạn đến bữa tiệc.

Jack: Thật tuyệt vời! Tôi sẽ đến bằng xe buýt.

Marie: Cảm ơn nha. Gặp bạn sau.

6.

Kiến thức: Phát âm "s"

Giải thích: Cách phát âm đuôi "s":

- Phát âm là /s/ khi từ có phát âm kết thúc là /f/, /t/, /k/, /p/, /θ/.
- Phát âm là /ɪz/ khi từ có phát âm kết thúc là /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/.
- Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại.

A. desks /desks/

B. maps /mæps/

C. plants /plɑ:nts/

D. trees /tri:z/

Đáp án A, B, C phát âm là /s/, đáp án D phát âm là /z/

Đáp án D.

7.

Kiến thức: Phát âm “s”

Giải thích: Cách phát âm đuôi “s”:

- Phát âm là /s/ khi từ có phát âm kết thúc là /f/, /t/, /k/, /p/, /θ/.
- Phát âm là /ɪz/ khi từ có phát âm kết thúc là /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/.
- Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại.

A. wishes /'wɪʃɪz/

B. practices /'præktɪsɪz/

C. leaves /li:vz/

D. introduces /,ɪntrə'dju:sɪz/

Đáp án A, B, D phát âm là /ɪz/, đáp án C phát âm là /z/

Đáp án C.

8.

Kiến thức: Phát âm “-ed”

Giải thích: Cách phát âm đuôi “ed”:

- + Đuôi “ed” được phát âm là /t/ khi động từ có phát âm kết thúc là /tʃ/, /θ/, /ʃ/, /s/, /k/, /p/, /f/
- + Đuôi “ed” được phát âm là /ɪd/ khi động từ có phát âm kết thúc là /t/, /d/
- + Đuôi “ed” được phát âm là /d/ với các trường hợp còn lại

A. supposed

B. closed

C. delayed

D. stopped

Đáp án A, B, C phát âm là /d/, đáp án D phát âm là /t/

Đáp án D.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. generous /'dʒenərəs/: nhấn âm 1

B. impatient /ɪm'peɪʃnt/: nhấn âm 2

C. popular /'pɒpjələ(r)/: nhấn âm 1

D. talkative /'tɔ:kətɪv/: nhấn âm 1

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm 2, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm 1.

Đáp án B.

10.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. library /'laɪbrəri/: nhấn âm 1

B. museum /mju'zi:əm/: nhấn âm 2

C. hospital /'hɒspɪtl/: nhấn âm 1

D. restaurant /'restɒrnt/: nhấn âm 1

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm 2, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm 1.

Đáp án B.

11.

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích: Dấu hiệu “next weekend” chỉ thời gian, chọn từ để hỏi “When”

Tạm dịch: Khi nào sự kiện Merry Theme Park diễn ra vậy? – Cuối tuần tới.

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Tôi thích đến thăm những ngôi làng nhỏ vì chúng yên tĩnh và _____.

A. noisy: ồn ào

B. polluted: bị ô nhiễm

C. peaceful: bình yên

D. crowded: đông đúc

Đáp án C.

13.

Kiến thức: Thì Hiện tại đơn – Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Dùng thì Hiện tại đơn để diễn tả hành động thường xuyên xảy ra, một thói quen ở hiện tại. Còn thì Hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả hành động sẽ xảy ra trong tương lai gần mà đã được lên kế hoạch từ trước.

Tạm dịch: Peter luôn đi bộ đến hồ gần làng của anh ấy, nhưng hôm nay anh ấy đang cưỡi ngựa.

Đáp án A.

14.

Kiến thức: Câu mệnh lệnh, cầu khiến

Giải thích: Cấu trúc: Let + O + V bare

Tạm dịch: Vào cuối tuần, mẹ Lisa thường cho cô ấy đi mua sắm ở chợ gần đó.

Đáp án C.

15.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá khứ thì có một hành động khác chen vào. Hành động đang xảy ra chia ở thì quá khứ tiếp diễn, hành động chen vào chia thì quá khứ đơn.

Tạm dịch: Lực lượng cứu hỏa có mặt khi ngọn lửa lan rộng khắp tòa nhà.

Đáp án C.

16.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích: Dấu hiệu “looked out” thì quá khứ đơn, sau “and” cũng chia thì quá khứ đơn

Tạm dịch: Fiona nhìn ra ngoài cửa sổ và đột nhiên nghe thấy một tiếng nổ lớn.

Đáp án A.

17.

Kiến thức: Thì Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ. Dấu hiệu “4 p.m yesterday afternoon”.

Tạm dịch: Nước ngập toàn bộ khu vực lúc 4 giờ chiều hôm qua.

Đáp án A.

18.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Trước động từ “can” cần một danh từ đóng vai trò làm chủ ngữ, phía trước không có mạo từ nên chia danh từ ở dạng số nhiều là “lovers”.

Tạm dịch: Những người yêu thích nghệ thuật có thể ghé thăm Phòng trưng bày Raul Speek để xem những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời.

Đáp án lovers.

19.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Cấu trúc: One of the most + danh từ số nhiều, nên chia thành “attractions”.

Tạm dịch: Thảo cầan viên là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Đáp án attractions.

20.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Sau động từ tobe có thể chia tính từ hoặc danh từ. Ở đây động từ “tobe” chỉ tính chất nên chia tính từ.

Tạm dịch: Bạn thật may mắn vì không có chuyện gì xảy ra với bạn trong vụ tai nạn đó.

Đáp án lucky.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi thích đọc sách hơn là đi chơi.

Thông tin: In her free time, she would rather stay at home than hang out with friends.

Tạm dịch: Khi rảnh rỗi, cô thích ở nhà hơn là đi chơi với bạn bè.

Đáp án T.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Thỉnh thoảng tôi xem phim vào buổi tối và đi ngủ muộn.

Thông tin: She sometimes stays up very late because she enjoys watching films at night.

Tạm dịch: Đôi khi cô ấy thức rất khuya vì thích xem phim vào ban đêm.

Đáp án E.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi thường chơi thể thao vào sáng thứ bảy và chủ nhật.

Thông tin: She usually wakes up early at weekends to practise those with her father and some of his friends.

Tạm dịch: Cô thường thức dậy sớm vào cuối tuần để luyện tập những bộ môn đó với bố và một số bạn bè của ông.

Đáp án E.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi đến câu lạc bộ thể thao hai lần một tuần.

Thông tin: On Friday and Sunday afternoons, she often goes to the club.

Tạm dịch: Vào các buổi chiều thứ sáu và chủ nhật, cô thường đến câu lạc bộ.

Đáp án T.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi là người nhút nhát nhưng lại thích nói chuyện với mọi người.

Thông tin: "We're different in some ways actually because Tina is a bit shy, but we're still best friends! We text and phone a lot," says Emily, "but one thing we both like to do is to talk."

Tạm dịch: Emily nói: "Thực ra chúng tôi khác nhau ở một số mặt vì Tina hơi nhút nhát, nhưng chúng tôi vẫn là bạn thân! Chúng tôi nhắn tin và gọi điện rất nhiều, nhưng có một đi ều mà cả hai chúng tôi đều thích làm là nói chuyện".

Đáp án T.

Dịch bài đọc:

Tina và Emily là chị em họ và Emily hơn Tina một tuổi. Họ cũng là những người bạn thân. Họ sống trong cùng một thị trấn và học cùng lớp. Thật vậy, họ có những điểm tương đồng, nhưng cũng có một số điểm khác biệt.

Tina thực sự thích đọc sách. Thể loại yêu thích của cô ấy là truyện dân gian. Khi rảnh rỗi, cô thích ở nhà hơn là đi chơi với bạn bè. Cha mẹ cô cho rằng việc cô dành quá nhiều thời gian ở nhà là không tốt nên họ khuyến khích cô tham gia câu lạc bộ thể thao ở trung tâm thành phố với em trai mình. Vào các buổi chiều thứ sáu và chủ nhật, cô thường đến câu lạc bộ.

Emily là một fan hâm mộ lớn của môn bơi lội và quần vợt. Cô thường thức dậy sớm vào cuối tuần để luyện tập những bộ môn đó với bố và một số bạn bè của ông. Các ngày trong tuần,

cô đi học thêm với Tina sau đó về nhà và làm bài tập. Đôi khi cô ấy thức rất khuya vì thích xem phim vào ban đêm.

Emily nói: “Thực ra chúng tôi khác nhau ở một số mặt vì Tina hơi nhút nhát, nhưng chúng tôi vẫn là bạn thân! Chúng tôi nhắn tin và gọi điện rất nhiều, nhưng có một điều mà cả hai chúng tôi đều thích làm là nói chuyện”.

26.

Kiến thức: Thì Hiện tại đơn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả một hành động lặp đi lặp lại; Dấu hiệu: “everyday”.

Tạm dịch: Cửa hàng đồ chơi này mở cửa lúc 10 giờ sáng và đóng cửa lúc 9 giờ tối hằng ngày.

Đáp án **This toy shop opens at 10 a.m. and closes at 9 p.m. every day.**

27.

Kiến thức: Thì Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả một hành động diễn ra tại thời điểm nói; Dấu hiệu: “at the moment”.

Tạm dịch: Mẹ tôi đang đi tàu đến trung tâm thành phố vào lúc này.

Đáp án **My mum is taking a train to the city centre at the moment.**

28.

Kiến thức: Cấu trúc thì tương lai gần với “be going to”

Giải thích: Thì tương lai gần một quyết định, kế hoạch đã được dự định trong tương lai mà đã có dự định từ trước.

Tạm dịch: Anh ấy sẽ ở lại thành phố trong ba ngày.

Đáp án **He is going to stay in the city for three days.**

29.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn – Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá khứ thì có một hành động khác cắt ngang.

Tạm dịch: Hôm qua anh ấy bị gãy chân khi leo núi.

Đáp án **He broke his leg when he was climbing a mountain yesterday.**

30.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả hành động xảy ra và kết thúc trong quá khứ; Dấu hiệu “last night”.

Tạm dịch: Bạn có nghe gì về một tai nạn đi bộ đường dài ở Hawaii đêm qua không?

Đáp án **Did you hear about a hiking accident in Hawaii last night?**

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 2

MÔN: TIẾNG ANH 8 RIGHT ON!



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. village	2. peaceful	3. calm	4. convenient	5. hills
6. A	7. B	8. A	9. C	10. D
11. C	12. C	13. C	14. B	15. A
16. D	17. D	18. eruption	19. inconvenient	20. explosion
21. T	22. T	23. F	24. NI	25. NI

26. There are many famous tourist attractions in Quảng Ninh.

27. My father avoids using his smartphone at bedtime.

28. Tourists love travelling to the countryside because they can enjoy the clean air.

29. When did you see the car crash on Field Road?

30. What was your sister doing when the tsunami started?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Lisa sống ở một ngôi làng nhỏ ở phía bắc Việt Nam..

Thông tin: I was born in a village in the north of Vietnam.

Tạm dịch: Tôi sinh ra ở một ngôi làng ở phía bắc Việt Nam.

Đáp án village.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Lisa thích không khí yên bình và thời tiết mát mẻ ở quê nhà.

Thông tin: My favourite things about my hometown are the peaceful atmosphere and the cool weather.

Tạm dịch: Điều tôi thích nhất ở quê hương là không khí yên bình và thời tiết mát mẻ.

Đáp án peaceful.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Hồ nước ở quê Lisa yên tĩnh và có nước sạch.

Thông tin: Near my village, there is a lake. It's calm and the water is clean.

Tạm dịch: Gần làng tôi có một cái hồ. Hồ thì yên tĩnh và nước thì sạch.

Đáp án calm.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Lisa không thích giao thông ở quê nhà vì nó không thuận tiện.

Thông tin: There aren't cars or buses, so it's not convenient to go around.

Tạm dịch: Không có ô tô hay xe buýt nên việc đi lại không thuận tiện.

Đáp án convenient.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Dân làng phải leo qua đống đá hoặc đi bộ trên đường đá để đi lại.

Thông tin: People often climb over hills or walk on tough roads with rocks to get from one place to another place.

Tạm dịch: Người ta thường leo qua những ngọn đống đá hoặc đi bộ trên những con đường gồ ghề đầy đá để đi lại.

Đáp án hills.

Bài nghe:

Hi, everyone. My name's Lisa. I'm so happy to tell you about my hometown. I was born in a village in the north of Vietnam. Although it's a small village, it has beautiful scenery. My favourite things about my hometown are the peaceful atmosphere and the cool weather. Near my village, there is a lake. It's calm and the water is clean. I often go fishing with my dad there

at weekends. I don't like the transport in my village. There aren't cars or buses, so it's not convenient to go around. People often climb over hills or walk on tough roads with rocks to get from one place to another place. Although life here is hard, love my hometown and hope you could come to visit.

Dịch bài nghe:

Chào mọi người. Tên tôi là Lisa. Tôi rất vui khi kể cho bạn nghe về quê hương của tôi. Tôi sinh ra ở một ngôi làng ở phía bắc Việt Nam. Tuy là một ngôi làng nhỏ nhưng lại có phong cảnh rất đẹp. Điều tôi thích nhất ở quê hương là không khí yên bình và thời tiết mát mẻ. Gần làng tôi có một cái hồ. Hồ thì yên tĩnh và nước thì sạch. Tôi thường đi câu cá với bố ở đó vào cuối tuần. Tôi không thích giao thông ở làng tôi. Không có ô tô hay xe buýt nên việc đi lại không thuận tiện. Người ta thường leo qua những ngọn đồi hoặc đi bộ trên những con đường gồ ghề đầy đá để đi lại. Dù cuộc sống nơi đây còn khó khăn nhưng tôi yêu quê hương và hy vọng bạn có thể ghé thăm.

6.

Kiến thức: Phát âm “a”

Giải thích:

A. ward /wɔ:d/

B. art /ɑ:t/

C. star /stɑ:(r)/

D. car /kɑ:(r)/

Phần gạch chân ở đáp án A được phát âm là /ɔ:/, ở những từ còn lại đều được phát âm là /ɑ:/

Đáp án A.

7.

Kiến thức: Phát âm “ea”

Giải thích:

A. sea /si:/

B. head /hed/

C. meat /mi:t/

D. meal /mi:l/

Phần gạch chân ở đáp án B được phát âm là /e/, ở những từ còn lại đều được phát âm là /i:/

Đáp án B.

8.

Kiến thức: Phát âm “s”

Giải thích: Cách phát âm đuôi “s”:

- Phát âm là /s/ khi từ có phát âm kết thúc là /f/, /t/, /k/, /p/, /θ/.
- Phát âm là /ɪz/ khi từ có phát âm kết thúc là /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/.
- Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại.

A. reads /ri:dz/

B. eats /i:ts/

C. cooks /kʊks/

D. hopes /həʊps/

Đáp án B, C, D phát âm là /s/, đáp án A phát âm là /z/

Đáp án A.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. earthquake /'z:θkweɪk/: nhấn âm 1

B. landslide /'lændslaɪd/: nhấn âm 1

C. collapse /kə'læps/: nhấn âm 2

D. shipwreck /'ʃɪprek/: nhấn âm 1

Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án C.

10.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. tsunami /tsu:'nɑ:mi/: nhấn âm 2

B. volcano /vɒl'keɪnəʊ/: nhấn âm 2

C. destruction /dɪ'strʌkʃn/: nhấn âm 2

D. accident /'æksɪdɪnt/: nhấn âm 1

Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

Đáp án D.

11.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả hành động xảy ra và kết thúc trong quá khứ; Dấu hiệu “this morning”

Tạm dịch: John đã không đến kịp vì sáng nay trời mưa to.

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn – Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra, một hành động khác xen vào.

Tạm dịch: Nhiều người đã xem buổi hòa nhạc trong khi trời mưa to.

Đáp án C.

13.

Kiến thức: Giới từ

Giải thích: cụm từ “in the evening”, chọn “with” để chỉ ra xem cùng với ai.

Tạm dịch: James thường dành thời gian buổi tối để xem TV cùng gia đình.

Đáp án C.

14.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. thú vị

B. đông đúc

C. bình yên

D. thuận tiện

Ta cần chọn một từ có cùng trường nghĩa với từ “noisy” => chọn “crowded”

Tạm dịch: Tôi không thường xuyên đến trung tâm mua sắm vào Chủ Nhật vì ở đó đông đúc và ồn ào.

Đáp án B.

15.

Kiến thức: Cấu trúc “suggest”**Giải thích:** suggest + V-ing**Tạm dịch:** Lana đề xuất về vùng nông thôn để tận hưởng không khí trong lành.

Đáp án A.

16.

Kiến thức: Cấu trúc “consider”**Giải thích:** consider + V-ing**Tạm dịch:** Bạn nên cân nhắc việc đi làm bằng xe buýt để tiết kiệm chi phí.

Đáp án D.

17.

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

A. vụ lở đất

B. thảm họa

C. sóng thần

D. núi lửa

Có từ “erupt” (*phun trào*) ên ta chọn “volcano” (*núi lửa*)**Tạm dịch:** Một núi lửa đang hoạt động có thể phun trào bất cứ lúc nào.

Đáp án D.

18.

Kiến thức: Dạng của từ**Giải thích:** Sau mạo từ “the”, trước giới từ “of” cần một danh từ.**Tạm dịch:** Vụ phun trào của núi lửa Hunga Tonga-Hunga Happai diễn ra vào ngày 15 tháng 1 năm 2022.

Đáp án eruption.

19.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: “find” + tân ngữ + tính từ: cảm thấy như thế nào khi làm một việc gì. Dựa vào ý “the lack of facilities” (*thiếu thốn cơ sở vật chất*) thì ta cần điền một tính từ mang ý nghĩa không tích cực, cần từ trái nghĩa đứng trước

Tạm dịch: Một số người bạn của tôi muốn sống ở nông thôn vì nhịp sống chậm nơi đây, nhưng tôi thấy cuộc sống ở đó bất tiện vì thiếu thốn cơ sở vật chất.

Đáp án inconvenient.

20.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: cụm danh từ “a loud _____” đang thiếu một danh từ chính, nên chỗ trống cần điền vào một danh từ

Tạm dịch: Tất cả chúng tôi đều cảm thấy kinh hãi khi nghe thấy một tiếng nổ lớn từ tòa nhà gần đó ngày hôm qua.

Đáp án explosion.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Cần Thơ nổi tiếng với chợ nổi Cái Răng.

Thông tin: It is well-known for its famous tourist attractions, especially Cái Răng Floating Market.

Tạm dịch: Nơi đây nổi tiếng với những địa điểm du lịch nổi tiếng, đặc biệt là chợ nổi Cái Răng.

Đáp án T.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Bạn có thể mua nhiều thứ khác nhau ở chợ nổi Cái Răng.

Thông tin: People sell things such as flowers, seasonal fruit, vegetables, food and many other things on boats.

Tạm dịch: Người ta bán những thứ như hoa, trái cây theo mùa, rau, thực phẩm và nhiều thứ khác trên thuyền.

Đáp án T.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Chợ nổi đóng cửa sau 9 giờ sáng.

Thông tin: Although the market is open all day, its busiest time is from dawn until around 9 a.m.

Tạm dịch: Dù chợ mở cửa cả ngày nhưng nhộn nhịp nhất là từ sáng sớm cho đến khoảng 9 giờ sáng.

Đáp án F.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Du khách cần ăn sáng trước khi tham quan Chợ nổi Cái Răng.

=> Thông tin này không được nhắc đến trong bài.

Đáp án NI.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Chợ nổi rất phổ biến ở các vùng khác của Việt Nam.

=> Thông tin này không được nhắc đến trong bài.

Đáp án NI.

Dịch bài đọc:

Cần Thơ là thành phố lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam. Nơi đây nổi tiếng với những địa điểm du lịch nổi tiếng, đặc biệt là chợ nổi Cái Răng. Người ta bán những thứ như hoa, trái cây theo mùa, rau, thực phẩm và nhiều thứ khác trên thuyền. Bạn sẽ ngạc nhiên trước sự sôi động và đông đúc của khu chợ này vào buổi sáng sớm. Dù chợ mở cửa cả ngày nhưng nhộn nhịp nhất là từ sáng sớm cho đến khoảng 9 giờ sáng.

Ở khu chợ này, người dân địa phương có nhiều cách để bán sản phẩm của mình. Treo sản phẩm của họ trên một cây cột thẳng đứng gọi là cây beo là cách bán hàng thú vị nhất. Họ trưng bày các sản phẩm trên cột như cà rốt, khoai lang, xoài và dưa hấu. Du khách nên thử một số món ăn địa phương ở đây cho bữa sáng. Một số món ăn phổ biến nhất là cơm tấm và hủ tiếu.

Chợ nổi Cái Răng là địa điểm hấp dẫn cho du khách ghé thăm vì đây là chợ và cũng là nơi để người dân tìm hiểu thêm về văn hóa nước Việt Nam ở khu vực phía Nam. Hy vọng các bạn có thể đến chợ một lần và có thêm trải nghiệm.

26.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc:

S + have/has + V3/ed + many + danh từ số nhiều = There are + many + danh từ số nhiều

Tạm dịch: Quảng Ninh có rất nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng.

Đáp án **There are many famous tourist attractions in Quảng Ninh.**

27.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc: do not like + V-ing = avoid + Ving: tránh làm đi đâu gì đó

Tạm dịch: Bố tôi tránh sử dụng điện thoại thông minh vào giờ đi ngủ.

Đáp án **My father avoids using his smartphone at bedtime.**

28.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc: S + V (+ O) + Because + S + V (+ O)

“Because” được dùng để nối 2 mệnh đề có mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

Tạm dịch: Du khách thích đi du lịch về vùng quê vì họ có thể tận hưởng không khí trong lành.

Đáp án **Tourists love travelling to the countryside because they can enjoy the clean air.**

29.

Kiến thức: Từ câu hỏi

Giải thích: Từ gạch chân là trạng từ chỉ thời gian => dùng “When” đặt câu hỏi.

Tạm dịch: Bạn nhìn thấy vụ tai nạn ô tô trên đường Field khi nào?

Đáp án **When did you see the car crash on Field Road?**

30.

Kiến thức: Đặt câu hỏi

Giải thích: Từ gạch chân chỉ hành động đang diễn ra trong quá khứ => đặt câu hỏi với “What”, sử dụng cấu trúc quá khứ tiếp diễn

Tạm dịch: Em gái bạn đang làm gì khi sóng thần bắt đầu?

Đáp án **What was your sister doing when the tsunami started?**

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3

MÔN: TIẾNG ANH 8 RIGHT ON!



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. T	2. T	3. T	4. F	5. T
6. D	7. C	8. B	9. B	10. D
11. C	12. C	13. B	14. D	15. B
16. B	17. A	18. A	19. B	20. C
21. D	22. D	23. A	24. C	25. C

26. Where do her uncle and aunt live

27. Where is Bristol City?

28. Why can life in the city be stressful?

29. What were you doing when the earthquake started yesterday?

30. How many people died from natural disasters last year?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Tin tức về một trận động đất ở một tỉnh của Nhật Bản.

Thông tin: The earthquake struck Fukushima Prefecture, a province of Japan, with a magnitude of 7.3 Richter at around quarter to nine this morning.

Tạm dịch: Trận động đất xảy ra ở tỉnh Fukushima, một tỉnh của Nhật Bản, với cường độ 7,3 độ Richter vào khoảng 9h kém 15 sáng nay.

Đáp án T.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Trận động đất xảy ra lúc 9h15 sáng.

Thông tin: The earthquake struck Fukushima Prefecture, a province of Japan, with a magnitude of 7.3 Richter at around quarter to nine this morning.

Tạm dịch: Trận động đất xảy ra ở tỉnh Fukushima, một tỉnh của Nhật Bản, với cường độ 7,3 độ Richter vào khoảng 9h kém 15 sáng nay.

Đáp án T.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Có 4 người chết và 60 người bị thương.

Thông tin: A short time ago, the local authority said 4 people were killed and 60 injured in the disaster.

Tạm dịch: Cách đây không lâu, chính quyền địa phương cho biết 4 người thiệt mạng và 60 người bị thương trong cuộc thảm họa.

Đáp án T.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Người ta không sử dụng trực thăng trong việc cứu hộ.

Thông tin: Helicopters came to remote areas and took victims to hospitals.

Tạm dịch: Máy bay trực thăng đã đến các vùng sâu và đưa nạn nhân đến bệnh viện.

Đáp án F.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Không có điện ở các khu vực bị ảnh hưởng.

Thông tin: What we can see in these pictures is that some buildings collapsed and electricity was cut off because of the earthquake.

Tạm dịch: Những gì chúng ta có thể thấy trong những bức ảnh này là một số tòa nhà bị sập và điện bị ngắt vì trận động đất.

Đáp án T.

Bài nghe:

Let's start by bringing you right up-to-date on what happened in Japan. There was a powerful earthquake there. The earthquake struck Fukushima Prefecture, a province of Japan, with a magnitude of 7.3 Richter at around quarter to nine this morning. A short time ago, the local authority said 4 people were killed and 60 injured in the disaster. That was a serious loss. There were also landslides in some areas and many houses and schools were badly damaged. Helicopters came to remote areas and took victims to hospitals.

Here are some pictures of the disaster. What we can see in these pictures is that some buildings collapsed and electricity was cut off because of the earthquake. The relief teams are trying to reach the people who are in these buildings. At safer places, clearing is ongoing. The rescue teams are also there to calm and rescue the people.

Dịch bài nghe:

Hãy bắt đầu bằng việc cập nhật những gì đã xảy ra ở Nhật Bản. Ở đó có một trận động đất lớn. Trận động đất xảy ra ở tỉnh Fukushima, một tỉnh của Nhật Bản, với cường độ 7,3 độ Richter vào khoảng 9h kém 15 sáng nay. Cách đây không lâu, chính quyền địa phương cho biết 4 người thiệt mạng và 60 người bị thương trong cuộc thảm họa. Đó là một mất mát nghiêm trọng. Ngoài ra còn xảy ra lở đất ở một số khu vực và nhiều ngôi nhà, trường học bị hư hỏng nặng. Máy bay trực thăng đã đến các vùng sâu và đưa nạn nhân đến bệnh viện.

Dưới đây là một số hình ảnh về thảm họa. Những gì chúng ta có thể thấy trong những bức ảnh này là một số tòa nhà bị sập và điện bị ngắt vì trận động đất. Các đội cứu trợ đang cố gắng tiếp cận những người đang ở trong những tòa nhà này. Ở những nơi an toàn hơn, việc dọn dẹp đang diễn ra. Lực lượng cứu hộ cũng có mặt để trấn an và giải cứu người dân.

6.

Kiến thức: Phát âm “a”

Giải thích:

A. disaster /dɪ'zɑ:stə(r)/

B. start /stɑ:t/

C. farm /fɑ:m/

D. Pacific /pə'sɪfɪk/

Phần được gạch chân ở đáp án D được phát âm là /ə/, ở những phương án còn lại được phát âm là /ɑ:/.

Đáp án D.

7.

Kiến thức: Phát âm /u/

Giải thích:

A. number /'nʌmbə(r)/

B. study /'stʌdi/

C. injure /'ɪndʒə(r)/

D. erupt /ɪ'rʌpt/

Phần được gạch chân ở đáp án C được phát âm là /ə/, ở những phương án còn lại được phát âm là /ʌ/.

Đáp án C.

8.

Kiến thức: Phát âm “a”

Giải thích:

A. calm /kɑ:m/

B. crash /kræʃ/

C. father /'fɑ:ðə(r)/

D. hard /hɑ:d/

Phần được gạch chân ở đáp án C được phát âm là /æ/, ở những phương án còn lại được phát âm là /ɑ:/.

Đáp án B.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. selfish /'selfɪʃ/: Nhấn âm 1

B. between /bi'twi:n/: Nhấn âm 2

C. honest /'ɒnɪst/: Nhấn âm 1

D. bossy /'bɒsi/: Nhấn âm 1

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án B.

10.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. information /,ɪnfə'meɪʃn/: Nhấn âm 3

B. entertainment /,entə'teɪnmənt/: Nhấn âm 3

C. energetic /,enə'dʒetɪk/: Nhấn âm 3

D. supermarket /'su:pəmə:kɪt/: Nhấn âm 1

Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3

Đáp án D.

11.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. trung thực

B. phổ biến

C. lảm lòi

D. ích kỷ

Tạm dịch: Peter nói rất nhiều khi gặp người khác. Anh ấy rất lảm lòi.

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Giới từ

Giải thích: Cụm từ “in the evening”, “at night”.

Tạm dịch: Andy thường làm việc đến 9 giờ vào buổi tối và đi ngủ muộn vào ban đêm.

Đáp án C.

13.

Kiến thức: Cấu trúc would prefer

Giải thích: Would prefer + to V: Dùng để diễn tả một sở thích.

Tạm dịch: Họ thích chụp ảnh ngôi làng xinh đẹp này.

Đáp án B.

14.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. sở thích

B. phong cảnh

C. giao thông

D. giải trí

Tạm dịch: Không có nhiều địa điểm dành cho việc giải trí như nhà hát, trung tâm trò chơi hoặc công viên giải trí ở nông thôn.

Đáp án D.

15.

Kiến thức: Thì Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra, một hành động khác xen vào. Chia hành động đang diễn ra ở thì quá khứ tiếp diễn.

Tạm dịch: Những đứa trẻ đang ngủ thì ngọn lửa bùng phát. May mắn thay, không có ai bị thương.

Đáp án B.

16.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. kinh hoàng

B. nhẹ nhõm

C. lo lắng

D. sợ hãi

Tạm dịch: Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì mọi người đều an toàn sau trận động đất.

Đáp án B.

17.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra, một hành động khác xen vào. Chia hành động xen vào ở thì quá khứ đơn.

Tạm dịch: Hôm qua tôi đang đợi xe buýt thì xảy ra một vụ tai nạn ô tô.

Đáp án A.

18.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn – Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra, một hành động khác xen vào. Hành động lái xe đi làm là hành động đang xảy ra => chia thì quá khứ tiếp diễn, sửa “drove” thành “were driving”.

Tạm dịch: Chúng tôi đang lái xe đi làm thì trời bắt đầu mưa to.

Đáp án A.

19.

Kiến thức: Cấu trúc Both...and

Giải thích: Both ... and được coi là danh từ số nhiều nên khi nó làm chủ ngữ trong câu thì động từ của câu trở về dạng nguyên thể => sửa “has got” thành “have got”.

Tạm dịch: Cả Jane và Jenny đều có mái tóc dài thẳng và họ là bạn của tôi.

Đáp án B.

20.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Trước danh từ cần tính từ, sửa “peace” thành “peaceful”.

Tạm dịch: Venice nổi tiếng với phong cảnh yên bình, thời tiết mát mẻ và những nhà hàng đẹp.

Đáp án C.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Bão ảnh hưởng đến bao nhiêu hộ gia đình?

- A. hơn 10.000
- B. dưới 10.000
- C. 10.000
- D. tối thiểu 10.000

Thông tin: According to reports, at least 10,000 homes were in trouble.

Tạm dịch: Theo báo cáo, ít nhất 10.000 ngôi nhà gặp khó khăn.

Đáp án D.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Bão Noru đã tàn phá những gì?

- A. đường phố
- B. nhà
- C. trang trại
- D. tất cả chúng

Thông tin: The strong winds blew away thousands of house roofs and washed away a large number of facilities. The streets were flooded because of the heavy rains. Over 5,000 big trees fell across the road. The storm also destroyed all crops and fish farming.

Tạm dịch: Những cơn gió mạnh đã thổi bay hàng nghìn mái nhà và cuốn trôi nhiều công trình. Đường phố ngập lụt vì những cơn mưa lớn. Hơn 5.000 cây to đổ ngang đường. Cơn bão cũng phá hủy toàn bộ mùa màng và chăn nuôi cá.

Đáp án D.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Từ nào sau đây có nghĩa gần nhất với từ sơ tán?

- A. đưa, mang
- B. cung cấp
- C. hỗ trợ
- D. xây dựng

Thông tin: There was no human loss as the police **evacuated** locals to safe places before the storm swept through.

Tạm dịch: Không có thiệt hại về người bởi vì cảnh sát sơ tán người dân địa phương đến nơi an toàn trước khi cơn bão quét qua.

Đáp án A.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Theo đoạn văn, câu nào sau đây KHÔNG đúng?

- A. Không có người chết trong cơn bão.
- B. Bão mang theo mưa lớn và gió mạnh.
- C. Chính phủ đã không có hành động nào để giúp đỡ người dân địa phương.
- D. Cơn bão đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản ở địa phương.

Thông tin: The typhoon had a huge impact; however, governmental officers and volunteers from different parts of the country worked hard to improve local people's living conditions after the typhoon.

Tạm dịch: Cơn bão có ảnh hưởng rất lớn; tuy nhiên, các quan chức chính phủ và tình nguyện viên từ nhiều nơi trên đất nước đã làm việc chăm chỉ để cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương sau cơn bão.

Đáp án C.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Bài viết đó chủ yếu là về cái gì?

- A. Nguyên nhân bão Noru
- B. Hướng đi của bão Noru
- C. Ảnh hưởng của bão Noru
- D. Cách người dân địa phương đối mặt với bão Noru

Đáp án C.

Dịch bài đọc:

Chiều 27/9, siêu bão Noru đổ bộ vào đất liền miền Trung Việt Nam. Chính phủ nhận định Noru sẽ là cơn bão mạnh nhất ở Việt Nam trong hai thập kỷ qua.

Dù người dân đã nhận thức được sự nguy hiểm nhưng tài sản bị thiệt hại nặng nề. Những cơn gió mạnh đã thổi bay hàng nghìn mái nhà và cuốn trôi nhiều công trình. Đường phố ngập lụt vì những cơn mưa lớn. Hơn 5.000 cây to đổ ngang đường. Cơn bão cũng phá hủy toàn bộ mùa màng và chặn nuôi cá. Mưa bão, lở đất ở miền núi khiến cuộc sống của người dân địa phương gặp nhiều khó khăn. Theo báo cáo, ít nhất 10.000 ngôi nhà gặp khó khăn. Đà Nẵng và Quảng Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão này. Không có thiệt hại về người bởi vì cảnh sát sơ tán người dân địa phương đến nơi an toàn trước khi cơn bão quét qua. Tuy nhiên, lũ lụt sau bão đã khiến 2 người thiệt mạng.

Cơn bão có ảnh hưởng rất lớn; tuy nhiên, các quan chức chính phủ và tình nguyện viên từ nhiều nơi trên đất nước đã làm việc chăm chỉ để cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương sau cơn bão. Trường học, cửa hàng, văn phòng và trang trại nhanh chóng mở cửa trở lại.

26.

Kiến thức: Câu hỏi với từ để hỏi

Giải thích: Từ gạch chân là trạng từ chỉ nơi chốn => dùng "Where" đặt câu hỏi.

Tạm dịch: Cậu và dì của cô ấy sống ở đâu?

Đáp án **Where do her uncle and aunt live?**

27.

Kiến thức: Câu hỏi với từ để hỏi

Giải thích: Từ gạch chân là trạng từ chỉ nơi chốn => dùng "Where" đặt câu hỏi.

Tạm dịch: Thành phố Bristol ở đâu?

Đáp án **Where is Bristol City?**

28.

Kiến thức: Câu hỏi với từ để hỏi

Giải thích: Từ gạch chân chỉ lý do => dùng "Why" đặt câu hỏi.

Tạm dịch: Tại sao cuộc sống ở thành phố có thể căng thẳng

Đáp án **Why can life in the city be stressful?**

29.

Kiến thức: Câu hỏi

Giải thích: Từ gạch chân chỉ hành động đang diễn ra trong quá khứ => đặt câu hỏi với cấu trúc quá khứ tiếp diễn

Tạm dịch: Bạn đã làm gì khi trận động đất bắt đầu vào hôm qua?

Đáp án **What were you doing when the earthquake started yesterday?**

30.

Kiến thức: Câu hỏi về số lượng

Giải thích: Từ gạch chân chỉ số lượng của danh từ đếm được => dùng “How many”

Tạm dịch: Có bao nhiêu người chết vì thiên tai vào năm ngoái?

Đáp án **How many people died from natural disasters last year?**